VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03450/2024/PKQ (24.902)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 17/07/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân A
Toạ độ: X: 1176496 Y: 420467

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,44	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	pH[b]	-	7,41	≥2,0 ; ≤12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
2	Naptalen[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
3	Naptalen[d]	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	468	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
4	Asen (As)[b]	ppm	0,62	18,72	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bari (Ba)[b]	mg/L	0,0982	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)[b]	ppm	103,63	936	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Bạc (Ag)[b]	ppm	0,01	46,8	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)[b]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	4,68	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Chì (Pb)[b]	ppm	2,82	140,4	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
12	Chì (Pb)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,44	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
13	Coban (Co)[b]	ppm	0,55	748,8	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
14	Coban (Co)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0002)	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
15	Kẽm (Zn)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
16	Kẽm (Zn)[b]	ppm	1.251,71	2.340	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
17	Niken (Ni)[b]	ppm	1,49	655,2	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
18	Niken (Ni)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
19	Selen (Se)[b]	ppm	0,68	9,36	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
21	Asen (As)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0004)	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)[d]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	1,872	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})[b]	ppm	KPH (MDL = 6)	46,8	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
26	CN^-[d]	ppm	KPH (MDL = 0,2)	276,12	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu[b]	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu[b]	ppm	KPH (MDL = 20)	468	-	US EPA Method 9071B
29	Phenol[d]	ppm	KPH (MDL = 0,005)	9.360	-	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
30	Phenol[d]	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,44	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
31	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	0,5	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
32	Benzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	4,68	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
33	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	70	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
34	Clobenzen(d)	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	-	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
35	Toluen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	9.360	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
36	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 09h15' ngày 17/07/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2,23,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

- QCVN 50:2013/BTNMT: *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04359/2024/PKQ (24.1192)

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày lấy mẫu: 04/09/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân A
Toạ độ: X: 1176496 Y: 420467

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,44	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
2	Naptalen[(d)]	mg/kg	KPH (MDL = 0,001)	468	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
3	pH[(b)]	-	7,45	2,0 -12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
4	Asen (As)[(b)]	ppm	1,19	18,72	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	0,5316	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)[(b)]	ppm	222,28	936	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Bạc (Ag)[(b)]	ppm	35	46,8	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)[(b)]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	4,68	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Chì (Pb)[(b)]	ppm	2,85	140,4	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,44	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
12	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
13	Coban (Co)[(b)]	ppm	1,09	748,8	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
14	Coban (Co)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0002)	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
15	Kẽm (Zn)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
16	Kẽm (Zn)[(b)]	ppm	933,79	2.340	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
17	Niken (Ni)[(b)]	ppm	3,62	655,2	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
18	Niken (Ni)[(b)]	mg/L	0,0008	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
19	Selen (Se)[(b)]	ppm	1,47	9,36	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)[(b)]	mg/L	0,0012	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
21	Asen (As)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0004)	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)[(b)]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	1,872	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})[(b)]	ppm	KPH (MDL = 6)	46,8	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
26	CN^{-}[(d)]	ppm	KPH (MDL = 0,2)	276,12	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu[(b)]	ppm	KPH (MDL = 20)	468	-	US EPA Method 9071B

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,44	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
29	Phenol(d)	ppm	KPH (MDL = 0,005)	9.360	-	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
30	Phenol(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
31	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,5	US EPA method 1311 + US EPA Method 8270D
32	Benzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	4,68	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
33	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	70	US EPA method 1311 + US EPA Method 8270E
34	Clobenzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	-	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
35	Toluen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	9.360	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
36	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	1.000	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 13h40' ngày 04/09/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

*- **QCVN 50:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước*

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05009/2024/PKQ (24.1380)

Đơn vị đề nghị lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 02/10/2024
Thời gian thử nghiệm: 02/10/2024 – 17/10/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải tại sân phơi của hệ thống xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân A

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,99	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen[(d)]	mg/L	KPH (MDL = 0,07)	-	-	US EPA Method 1311 + US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260C
2	Naptalen[(d)]	ppm	KPH (MDL = 0,001)	990,5	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
3	pH[(b)]	-	7,37	2,0-12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
4	Asen (As)[(b)]	ppm	1,5	39,62	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bari (Ba)[(b)]	mg/L	1,0497	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)[(b)]	ppm	88,46	1.981	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Bạc (Ag)[(b)]	ppm	0,02	99,05	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)[(b)]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	9,905	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Chì (Pb)[(b)]	ppm	3,13	297,15	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,99	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
12	Chì (Pb)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
13	Coban (Co)[(b)]	ppm	0,8	1.584,8	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
14	Coban (Co)[(b)]	mg/L	0,0015	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
15	Kẽm (Zn)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
16	Kẽm (Zn)[(b)]	ppm	1.107,11	4.952,5	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
17	Niken (Ni)[(b)]	ppm	2,2	1.386,7	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
18	Niken (Ni)[(b)]	mg/L	0,0007	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
19	Selen (Se)[(b)]	ppm	0,71	19,81	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
21	Asen (As)[(b)]	mg/L	0,0007	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)[(b)]	ppm	0,01	3,962	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})[(b)]	ppm	KPH (MDL = 6)	99,05	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196
26	CN^{-}[(d)]	ppm	KPH (MDL = 0,2)	584,395	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu[(b)]	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu[(b)]	ppm	KPH (MDL = 20)	990,5	-	US EPA Method 9071B

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,99	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
29	Phenol(d)	ppm	KPH (MDL = 0,005)	19.810	-	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041
30	Phenol(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 8041
31	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	0,5	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
32	Benzen(d)	ppm	0,001	9,905	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
33	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	70	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C
34	Clobenzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	1.386,7	-	EPA Method 5021A+ US EPA Method 8270D
35	Toluen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,001)	19.810	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D
36	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,005)	-	1.000	US EPA method 1311 + US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8260C

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 10h00' ngày 02/10/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Viện KHCN Năng lượng và Môi trường - 079 thực hiện;

- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istec@gmail.com

ISO 9001:2015

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07067/2024/PKQ (24.1867)

Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO**
Địa chỉ: Số 48, Khu phố 3, Phường An Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Thời gian lấy mẫu: 02/12/2024
Thời gian thử nghiệm: 02/12/2024 – 26/12/2024
Loại mẫu: Bùn thải
Số lượng: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu: Mẫu bùn thải sau ép của hệ thống xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân A
Toạ độ: X: 1176496 Y: 420467

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,34	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
1	Naptalen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	-	US EPA Method 1311+US EPA Method 5021A+US EPA Method 8260D
2	Naptalen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,003)	373	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
3	pH(b)	-	7,21	2,0-12,5		US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
4	Asen (As)(b)	ppm	9,08	14,92	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
5	Bari (Ba)(b)	mg/L	0,274	-	100	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
6	Bari (Ba)(b)	ppm	412,46	746	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
7	Bạc (Ag)(b)	ppm	3,08	37,3	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
8	Bạc (Ag)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
9	Cadimi (Cd)(b)	ppm	1,06	3,73	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
10	Cadimi (Cd)(b)	mg/L	KPH (MDL = 0,0003)	-	0,5	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
11	Chì (Pb)(b)	ppm	62,22	111,9	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,34	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
12	Chì (Pb)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	15	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
13	Coban (Co)[b]	ppm	9,33	596,8	-	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
14	Coban (Co)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0002)	-	80	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
15	Kẽm (Zn)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,05)	-	250	US EPA Method 1311 + SMEWW 3111B:2017
16	Kẽm (Zn)[b]	ppm	1.041,93	1.865	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3111B:2017
17	Niken (Ni)[b]	ppm	25,69	522,2	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
18	Niken (Ni)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	70	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
19	Selen (Se)[b]	ppm	2,64	7,46	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
20	Selen (Se)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0008)	-	1	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
21	Asen (As)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,0004)	-	2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
22	Thủy ngân (Hg)[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,001)	-	0,2	US EPA Method 1311 + SMEWW 3125B:2017
23	Thủy ngân (Hg)[b]	ppm	KPH (MDL = 0,01)	1,492	-	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017
24	Crom VI (Cr^{6+})[b]	mg/L	KPH (MDL = 0,15)	-	5	US EPA Method 1311+ SMEWW 3500-Cr B:2017
25	Crom VI (Cr^{6+})[b]	ppm	KPH (MDL = 6)	37,3	-	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A
26	CN^{-}[d]	ppm	KPH (MDL = 0,04)	220,07	-	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014
27	Tổng dầu[b]	mg/L	KPH (MDL = 9)	-	50	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520 B&E:2017
28	Tổng dầu[b]	ppm	KPH (MDL = 20)	373	-	US EPA Method 9071B
29	Phenol[d]	ppm	KPH (MDL = 0,32)	7.460	-	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3650B + US EPA Method 8041A

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP.HCM
(VILAS 450 - VIMCERTS 032)
Địa chỉ: Số 1, Mạc Đĩnh Chi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028.38243291 Email: cet.istee@gmail.com

ISO 9001:2015

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT		Phương pháp phân tích
				Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc, T= 0,34	Nồng độ ngâm chiết Ctc	
30	Phenol(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,0042)	-	1.000	US EPA Method 1311 + US EPA Method 3510C + US EPA Method 3650C + US EPA Method 8041A
31	Benzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	0,5	US EPA Method 1311+US EPA Method 5021A+US EPA Method 8260D
32	Benzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,003)	3,73	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
33	Clobenzen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	70	US EPA Method 1311+US EPA Method 5021A+US EPA Method 8260D
34	Clobenzen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,003)	-	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
35	Toluen(d)	ppm	KPH (MDL = 0,003)	7.460	-	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D
36	Toluen(d)	mg/L	KPH (MDL = 0,0005)	-	1.000	US EPA Method 1311+US EPA Method 5021A+US EPA Method 8260D

Ghi chú: *KPH: không phát hiện. MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp.*
Thời gian lấy mẫu: 13h50' ngày 02/12/2024
(b)- Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
(d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2,26,29,30,31,32,33,34,35,36 do Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường lao động - 025 thực hiện;
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Lê Minh Tuấn	Nguyễn Thanh Vũ	Nguyễn Hoài Nam

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.